

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HUỖNH QUANG	PHỔ	22.01.23	11/09/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	20.000	Ba	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
2	PHAN CÔNG TRUNG	HIẾU	22.01.10	08/05/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	19.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
3	TRẦN ĐÌNH	ĐẠT	22.01.05	21/08/2008	Kinh	Thanh Hóa	Nam	Toán	13.500		12	THPT Chuyên Thăng Long
4	NGUYỄN NGỌC MINH	TÚ	22.01.28	09/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	13.500		12	THPT Chuyên Thăng Long
5	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	22.01.06	16/08/2008	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Toán	21.000	Ba	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
6	TRƯƠNG ĐỨC GIA	BẢO	22.01.02	24/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	13.500		11	THPT Chuyên Thăng Long
7	HUỖNH NGUYỄN LÊ	MINH	22.01.19	21/04/2010	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	13.000		10	THPT Chuyên Thăng Long
8	PHẠM PHI	HOÀNG	22.01.12	16/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	11.500		11	THPT Chuyên Thăng Long
9	TRẦN HẢI	NAM	22.01.21	08/11/2008	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Toán	12.000		12	THPT Chuyên Thăng Long
10	TRẦN BẢO	GIA	22.01.07	10/09/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	17.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
11	LÊ HOÀNG ANH	TUẤN	22.01.26	23/05/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	10.000		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
12	HOÀNG NGHĨA TRUNG	HẢI	22.01.08	11/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	15.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
13	PHAN HỒNG	QUÂN	22.01.24	17/09/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	15.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
14	TRƯƠNG QUANG	KHÁNH	22.01.17	10/06/2009	Kinh	TP. Đà Nẵng	Nam	Toán	12.000		11	THPT Chuyên Thăng Long
15	NGUYỄN THẾ	NHÂN	22.01.22	06/02/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	9.500		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
16	NGUYỄN HOÀNG	MINH	22.01.20	30/07/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	7.000		11	THPT Chuyên Trần Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Đạo
17	TRẦN ĐỨC	HIẾU	22.01.11	23/11/2010	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	13.500		10	THPT Chuyên Thăng Long
18	MAI ĐẠI	KHIÊM	22.01.18	14/09/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	10.000		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
19	TRẦN AN	HÒA	22.01.13	08/10/2009	Kinh	Ninh Bình	Nam	Toán	19.500	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
20	LÊ XUÂN	HẢI	22.01.09	21/07/2009	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	5.500		11	THPT Chuyên Thăng Long
21	TRẦN NGUYỄN NHẬT	KHANG	22.01.15	27/06/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	16.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
22	PHAN NGUYỄN GIA	HUY	22.01.14	08/11/2009	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Toán	12.000		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
23	KHỔNG PHẠM KHÁNH	TÙNG	22.01.27	17/12/2009	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Toán	9.000		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
24	NGUYỄN HOÀI	AN	22.01.01	26/08/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	13.000		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
25	PHAN LÊ	DUY	22.01.04	20/10/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	9.000		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
26	NGÔ TẤN	SỸ	22.01.25	26/08/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	9.500		12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
27	NGUYỄN BẢO NGUYỄN	CHƯƠNG	22.01.03	28/09/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	8.000		11	THPT Chuyên Thăng Long
28	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	22.01.16	14/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	13.500		11	THPT Chuyên Bảo Lộc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	PHẠM NHẬT	QUANG	22.02.15	01/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	13.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
30	HOÀNG CÔNG	THUẬN	22.02.22	06/07/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	15.750	Ba	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
31	NGUYỄN TẤN	NHẬT	22.02.12	25/02/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	12.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
32	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	22.02.03	19/02/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
33	NGUYỄN KHÁNH	NGUYỄN	22.02.11	03/03/2008	Kinh	Gia Lai	Nữ	Vật lí	11.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
34	TRẦN CHÍ	TÀI	22.02.17	01/09/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	11.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
35	NGUYỄN GIA	PHÚC	22.02.13	25/02/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	16.750	Ba	12	THPT Hùng Vương - Hoài Đức
36	NGUYỄN VINH	THỊNH	22.02.21	25/10/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
37	VŨ TÀI	BẢO	22.02.04	24/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	11.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
38	NGUYỄN HỮU MINH	TOÀN	22.02.23	03/06/2009	Kinh	Gia Lai	Nam	Vật lí	10.000		11	THPT Chuyên Thăng Long
39	TRƯƠNG THẾ	HUNG	22.02.08	28/12/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	15.250	Ba	11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
40	PHẠM HOÀI TUỆ	HÂN	22.02.05	21/10/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Vật lí	8.250		12	THPT Chuyên Thăng Long
41	ĐÀO TRUNG	SƠN	22.02.16	31/05/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	8.500		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
42	BÙI NGUYỄN NGUYỄN	BÁCH	22.02.02	22/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	2.500		11	THPT Chuyên Trần Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Đạo
43	NGUYỄN NHẬT	TRUNG	22.02.24	23/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
44	NGUYỄN HOÀNG GIA	PHÚC	22.02.14	12/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	3.750		11	THPT Chuyên Thăng Long
45	HUỲNH TUẤN	KIỆT	22.02.09	30/10/2009	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	4.250		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
46	DƯƠNG TRẦN THÁI	HÒA	22.02.06	14/02/2008	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	11.250	K.Khích	12	THPT Hàm Thuận Nam
47	VŨ MINH	TÂM	22.02.18	06/02/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	10.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
48	NGÔ MINH	NGỌC	22.02.10	14/07/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Vật lí	3.000		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
49	ĐẶNG THÀNH	THẢO	22.02.20	22/12/2007	Kinh	Tây Ninh	Nam	Vật lí	3.750		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
50	VƯƠNG ĐÌNH	ÂN	22.02.01	23/11/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	6.500		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
51	TRẦN ĐỨC	HUY	22.02.07	15/12/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	4.750		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
52	NGUYỄN CẢNH	THÀNH	22.02.19	22/09/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	6.750		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
53	LÊ TRUNG	QUANG	22.03.19	06/12/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	16.500	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Hưng Đạo
54	PHAN HOÀNG	SANG	22.03.20	21/02/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	14.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
55	ĐẶNG VŨ ĐĂNG	KHÔI	22.03.16	18/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	24.000	Nhì	12	THPT Thăng Long - Lâm Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
56	LÊ BÁ	THÀNH	22.03.22	23/02/2009	Kinh	Gia Lai	Nam	Hoá học	16.125	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
57	BÙI ĐỖ TRỌNG	HIẾU	22.03.08	28/07/2009	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	17.625	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
58	ĐẶNG NGUYỄN TRỌNG	TÍN	22.03.25	29/03/2009	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	12.500		11	THPT Chuyên Thăng Long
59	ĐIỀN GIA	ĐỊNH	22.03.04	29/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	18.625	Ba	11	THPT Chuyên Thăng Long
60	NGUYỄN TRẦN VIỆT	HÙNG	22.03.12	06/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	16.875	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
61	VĂN THANH	CHƯƠNG	22.03.01	12/10/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	18.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
62	LÊ MINH	TUẤN	22.03.27	04/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	10.625		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
63	LÊ MINH NHẬT	TRƯỜNG	22.03.26	16/10/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	16.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
64	PHẠM THỊ MINH	TÂM	22.03.21	28/05/2010	Kinh	Nghệ An	Nữ	Hoá học	4.875		10	THPT Chuyên Thăng Long
65	LÊ ĐỨC	HÙNG	22.03.13	15/11/2010	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	9.875		10	THPT Chuyên Thăng Long
66	LÊ GIA	HUY	22.03.11	04/03/2008	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	15.125	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
67	PHẠM ĐẶNG ĐÌNH	KHANG	22.03.14	28/12/2009	Kinh	Khánh Hoà	Nam	Hoá học	10.875		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
68	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	22.03.02	30/04/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Hoá học	11.250		12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
69	HOÀNG NGỌC BẢO	LÂM	22.03.18	26/02/2009	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	12.875		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
70	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	22.03.06	07/11/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	15.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
71	NGUYỄN HUỲNH QUỐC HẢI	22.03.05	14/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	11.000		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
72	TẠ HÙNG CƯỜNG	22.03.03	01/12/2009	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	8.000		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
73	LÊ THỊ THU HIỀN	22.03.07	17/03/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Hoá học	7.250		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
74	LƯƠNG VĂN KHIÊM	22.03.15	09/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	9.000		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
75	LÊ NGUYỄN ANH THI	22.03.24	15/01/2010	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoá học	6.500		10	THPT Chuyên Thăng Long
76	NGUYỄN VIỆT THẮNG	22.03.23	06/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	8.750		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
77	LÊ ĐĂNG KHÔI	22.03.17	17/08/2010	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	8.750		10	THPT Chuyên Thăng Long
78	HỒ TÁ HIỂN	22.03.09	21/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	7.125		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
79	HOÀNG QUỐC HUY	22.03.10	07/05/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	10.875		11	THPT Phan Bội Châu - Nam Dong
80	TRẦN NGUYỄN THANH HẰNG	22.04.04	21/12/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	22.750	Nhì	12	THPT chuyên Trần Hưng Đạo
81	PHAN NHẬT QUỐC	22.04.19	18/09/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Sinh học	18.500	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Đạo
82	PHẠM VŨ NHẬT	TRƯỜNG	22.04.26	11/09/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Sinh học	18.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
83	NGUYỄN MINH	TRÍ	22.04.24	02/12/2008	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Sinh học	20.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
84	ĐOÀN THỊ NGỌC	HÂN	22.04.05	09/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	18.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
85	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	22.04.14	21/02/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	19.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
86	NGUYỄN PHI	HÙNG	22.04.09	18/06/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Sinh học	18.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
87	NGÔ THÙY	TRÂM	22.04.23	15/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	16.750		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
88	LÊ MINH	NGUYỄN	22.04.17	20/09/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Sinh học	14.750		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
89	TRẦN NGỌC BẢO	VY	22.04.27	09/04/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	15.250		12	THPT Chuyên Bảo Lộc
90	CAO ĐÌNH	HÒA	22.04.07	29/03/2009	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Sinh học	11.250		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
91	AYUN PHẠM GIA	HUY	22.04.08	23/11/2008	Êđê	Đắk Lắk	Nam	Sinh học	17.250		12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
92	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	22.04.11	24/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Sinh học	16.250		11	THPT Chuyên Thăng Long
93	VÕ THỊ MỸ	HƯƠNG	22.04.10	07/08/2009	Kinh	Vĩnh Long	Nữ	Sinh học	10.250		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
94	HOÀNG TRẦN TRIỀU VỸ	22.04.28	20/09/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Sinh học	13.250		11	THPT Chuyên Thăng Long
95	TRẦN KHÁNH NGỌC	22.04.15	02/02/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	17.250		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
96	TRẦN NGUYỄN THANH TRÚC	22.04.25	16/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	12.250		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
97	NGUYỄN NHẬT MINH KHUÊ	22.04.13	15/12/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	11.750		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
98	HUỖNH ANH THU	22.04.20	20/03/2009	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Sinh học	12.250		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
99	HỒ TRUNG HIẾU	22.04.06	06/02/2009	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Sinh học	10.750		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
100	PHAN THỊ TỐ NHƯ	22.04.18	15/01/2009	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	10.000		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
101	TRẦN VÕ NHẬT KHANH	22.04.12	20/05/2008	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Sinh học	17.500		12	THPT Lý Thường Kiệt
102	LƯƠNG ĐÀO BẢO TÍN	22.04.22	15/02/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Sinh học	12.000		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
103	NGUYỄN THỊ VÂN HẢI	22.04.03	22/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	11.250		11	THPT Chuyên Thăng Long
104	NGUYỄN BÙI KHÁNH ĐAN	22.04.02	31/12/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	16.500		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
105	NGUYỄN MẠNH DUY	22.04.01	19/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Sinh học	10.000		11	THPT Chuyên Thăng Long
106	HUỖNH DƯƠNG CHÍNH NGUYỄN	22.04.16	13/06/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Sinh học	14.000		12	THPT Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
107	NGUYỄN BÙI ANH THU	22.04.21	22/06/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	14.000		11	THPT Chuyên Thăng Long
108	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	22.05.26	22/09/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	21.320	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
109	NGUYỄN KHẮC THỤY	22.05.28	07/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	19.538	Ba	12	THPT chuyên Trần Hưng Đạo
110	PHẠM ĐẮC QUANG ANH	22.05.01	05/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	23.610	Nhì	11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
111	HOÀNG MẠNH HÙNG	22.05.14	29/07/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	16.610	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
112	LÀU NGỌC BẢO	22.05.03	10/01/2008	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	16.430	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
113	ĐÀO ANH VIỆT	22.05.30	29/05/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	16.390	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
114	NGUYỄN ĐÌNH MINH	22.05.18	25/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	17.920	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
115	KIỀU QUANG HUY	22.05.12	18/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	11.610		11	THPT chuyên Trần Hưng Đạo
116	DƯƠNG CHÍ THANH	22.05.27	28/12/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	19.909	Ba	11	THPT chuyên Trần Hưng Đạo
117	ĐẶNG HOÀNG NAM	22.05.19	10/12/2008	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	11.150		12	THPT Chuyên Thăng Long
118	TRẦN QUỐC KHÁNH	22.05.15	24/04/2008	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	15.380	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
119	LA NGUYỄN TÀI	22.05.25	09/09/2008	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	5.740		12	THCS&THPT Đồng Đa
120	HUỖNH TRẦN BẢO ĐẠI	22.05.05	28/03/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	12.940	K.Khích	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
121	NGUYỄN ĐỨC THÀNH ĐẠT	22.05.06	03/10/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	23.260	Nhì	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
122	ĐINH TRỌNG HUY	22.05.11	04/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	13.728	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
123	TRẦN KIỀU PHONG	22.05.20	23/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	12.200		11	THPT Chuyên Thăng Long
124	HỒ GIA BẢO	22.05.02	22/10/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	8.660		11	THPT Chuyên Thăng Long
125	HỒ GIA LÂM	22.05.17	04/03/2009	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tin học	20.495	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
126	NGUYỄN VÕ NHƯ QUỲNH	22.05.23	24/02/2009	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Tin học	11.050		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
127	NGUYỄN VĂN TIẾN PHƯƠNG	22.05.21	23/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	9.120		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
128	LÃ GIA HUY	22.05.13	18/01/2010	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	14.938	K.Khích	10	THPT Chuyên Thăng Long
129	TRƯƠNG MINH ĐỨC	22.05.09	01/10/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	19.190	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
130	NGUYỄN HOÀNG PHÚC ĐIỀN	22.05.07	25/07/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	13.084	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
131	NGUYỄN CÔNG KHẢI	22.05.16	28/03/2008	Kinh	Quảng Trị	Nam	Tin học	12.350		12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
132	NGUYỄN THANH	HẢI	22.05.10	16/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	8.926		11	THPT Di Linh
133	NGUYỄN NGỌC	TRÍ	22.05.29	13/05/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	15.580	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
134	TRẦN THÁI	SƠN	22.05.24	19/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	12.343		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
135	TÔ KHẢI	DUY	22.05.04	10/05/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	15.146	K.Khích	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
136	LÊ HỒNG	ĐỨC	22.05.08	27/12/2010	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tin học	14.260	K.Khích	10	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
137	DƯƠNG MINH	QUÂN	22.05.22	12/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	16.105	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
138	BÙI NGỌC	HUYỀN	22.06.06	10/02/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
139	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂM	22.06.20	09/04/2008	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Ngữ văn	12.000		12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
140	NGUYỄN ĐAN	LÊ	22.06.10	09/02/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	13.250	Ba	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
141	LÊ THỊ HOÀNG	OANH	22.06.17	22/08/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	13.750	Nhì	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
142	TRỊNH THANH	TÂM	22.06.21	17/08/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
143	NGUYỄN VŨ HẢI	NGỌC	22.06.14	22/03/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT Chuyên Thăng Long
144	NGUYỄN TRƯỞNG GIA	HUY	22.06.05	07/05/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Ngữ văn	12.750	Ba	11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
145	PHẠM CÁT	TƯỜNG	22.06.27	28/07/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.750	Ba	11	THPT Chuyên Bảo Lộc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
146	TRẦN HỒ ANH	THU	22.06.23	27/12/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
147	TRẦN THANH	TRÚC	22.06.25	16/11/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	14.250	Nhì	12	THPT Chuyên Thăng Long
148	PHẠM THUỖ MỸ	VIÊN	22.06.28	05/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	11.500		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
149	PHAN ÁNH	NGỌC	22.06.15	25/12/2008	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
150	LÊ HUY	TÀI	22.06.19	12/10/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Ngữ văn	12.750	Ba	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
151	NGUYỄN KIM	ÁI	22.06.01	05/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	11.500		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
152	TRỊNH QUỲNH	CHI	22.06.02	30/06/2008	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	12.000		12	THCS&THPT Tây Sơn - Đà Lạt
153	TRẦN NGỌC	LAN	22.06.08	12/06/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
154	NGUYỄN TÂM	NHU	22.06.16	25/12/2010	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.000		10	THPT Chuyên Bảo Lộc
155	NGUYỄN NGỌC BẰNG	LĂNG	22.06.09	06/10/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THPT Đơn Dương
156	VŨ HÀ TRÚC	LY	22.06.11	31/03/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.000		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
157	HỒ HÀ	PHƯƠNG	22.06.18	25/10/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.000		11	THPT Chuyên Thăng Long
158	LAI LAN	THU	22.06.22	07/06/2009	Hoa	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.000		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
159	TRẦN NGỌC MINH	THU	22.06.24	25/02/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.000		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
160	HÀ THIÊN	KIM	22.06.07	22/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.000		12	THPT Chuyên Trần Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Đạo
161	MÔNG THỊ YẾN VY	22.06.29	17/10/2008	Nùng	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.000		12	THCS&THPT Lộc Bắc - Bảo Lâm
162	TRẦN TRÀ MY	22.06.13	21/02/2008	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Ngữ văn	12.000		12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
163	TRẦN THỊ ANH TÚ	22.06.26	19/08/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
164	NGUYỄN THỊ TUYẾT XUÂN	22.06.30	06/05/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
165	PHẠM NỮ ÁNH DƯƠNG	22.06.03	22/09/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
166	TRẦN THỊ MINH HUỆ	22.06.04	04/12/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	11.500		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
167	PHẠM NGỌC MAI	22.06.12	08/02/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.000		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
168	NGUYỄN THỊ HUỆ	22.07.09	07/06/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	15.500	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
169	NGUYỄN ĐỨC TÍNH	22.07.25	21/03/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Hưng Đạo
170	ĐẶNG PHƯƠNG ĐẠT	22.07.07	03/02/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	14.000		12	THPT Chuyên Thăng Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
171	CAO GIA	HUY	22.07.10	07/07/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	13.500		12	THPT Chuyên Thăng Long
172	HÀ NGUYỄN BẢO	NGỌC	22.07.18	02/05/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	11.750		11	THPT Chuyên Thăng Long
173	TRẦN NGUYỄN ANH	TUẤN	22.07.27	19/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	12.250		11	THPT Chuyên Thăng Long
174	NGÔ KIỀU	VY	22.07.28	13/08/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	14.000		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
175	LÊ THANH	NGA	22.07.17	19/11/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
176	HUỖNH NGỌC	PHÁT	22.07.21	16/10/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	12.250		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
177	TẠ HOÀNG	HIỂN	22.07.08	11/09/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	13.250		11	THPT Chuyên Thăng Long
178	TRẦN NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	22.07.26	23/06/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	12.250		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
179	ĐÀO VĨNH	PHÚC	22.07.22	21/11/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	14.000		11	THPT Chuyên Thăng Long
180	HOÀNG NGUYỄN MAI	THÙY	22.07.23	14/02/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	15.750	Ba	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
181	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	22.07.29	17/01/2008	Kinh	Đồng Tháp	Nữ	Lịch sử	12.250		12	THPT Chuyên Thăng Long
182	VÕ THỊ HỒNG	MINH	22.07.14	27/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	11.750		11	THPT Chuyên Thăng Long
183	PHẠM NGUYỄN BÌNH	AN	22.07.01	26/10/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	10.000		12	THPT Chuyên Thăng Long
184	NGÔ QUỐC HOÀNG	NHIÊN	22.07.20	30/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	13.000		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
185	BÙI DIỆU	ĐAN	22.07.06	28/11/2008	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Lịch sử	12.000		12	THPT Chuyên Thăng Long
186	VŨ NGỌC KIM	KHÁNH	22.07.12	11/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	12.000		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
187	LÊ VŨ KHÁNH	DƯƠNG	22.07.05	27/06/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	14.000		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
188	NGUYỄN TRUNG	NAM	22.07.16	14/11/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	12.000		12	THPT Lý Thường Kiệt
189	HOÀNG THỊ QUỲNH	MY	22.07.15	06/02/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	12.500		11	THPT Chuyên Thăng Long
190	NGUYỄN THÙY MINH	CHÂU	22.07.04	06/01/2009	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Lịch sử	16.000	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
191	ĐƯỜNG TRẦN TUỆ	NHI	22.07.19	09/11/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	10.750		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
192	CHẾ VĂN VIỆT	HUNG	22.07.11	24/03/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	9.250		11	THPT Chuyên Thăng Long
193	LÊ HƯƠNG QUỲNH	CHÂU	22.07.03	29/06/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
194	NGUYỄN ANH	THƯ	22.07.24	03/09/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	11.500		12	THPT Chuyên Bảo Lộc
195	CHÂU THIÊN	KIM	22.07.13	05/07/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	10.250		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
196	PHAN NGỌC TRÚC	VY	22.07.30	28/01/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	12.500		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
197	NGÔ THỊ HỒNG	ÁNH	22.07.02	11/05/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	11.750		12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
198	MAI THỊ ANH	THƯ	22.08.24	17/09/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
199	TRỊNH THỊ	THẢO	22.08.23	01/04/2009	Kinh	Thanh Hóa	Nữ	Địa lí	11.250		11	THPT Chuyên Thăng Long
200	LÊ THỊ KIM	NGÂN	22.08.16	31/03/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	13.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
201	ĐINH THỊ THẢO	VY	22.08.27	05/08/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	14.750	Ba	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
202	HOÀNG MAI HÀ	LINH	22.08.14	01/07/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
203	LƯƠNG NGUYỄN BẢO	CHÂU	22.08.04	12/06/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
204	ĐẶNG NHẬT	BÌNH	22.08.02	09/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	13.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
205	LÊ DƯƠNG KHẢ	HI	22.08.10	29/03/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	12.750		12	THPT Chuyên Thăng Long
206	VŨ LINH	NHI	22.08.20	27/04/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT Chuyên Bảo Lộc
207	LÊ THỊ MỸ	HẰNG	22.08.09	09/04/2009	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Địa lí	11.250		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
208	NGUYỄN LÊ ANH	ĐỨC	22.08.07	10/11/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Địa lí	11.750		12	THPT Chuyên Thăng Long
209	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	22.08.17	20/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	12.000		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
210	NGÔ THỊ HÀ	NGUYỄN	22.08.18	20/01/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
211	NGUYỄN THỊ NGỌC	BỘI	22.08.03	27/07/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	12.250		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
212	ĐÀO THỊ TRÚC MAI	22.08.15	15/12/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	12.250		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
213	LÊ THU PHƯƠNG	22.08.22	16/03/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	11.000		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
214	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN	22.08.13	11/11/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	12.250		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
215	ĐÀO THỊ DUY HÒA	22.08.11	02/03/2008	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Địa lí	11.250		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
216	PHẠM HỒNG TƯỜNG ÂN	22.08.01	18/04/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	7.750		11	THPT Chuyên Bảo Lộc
217	VĂN TIẾN DŨNG	22.08.05	29/12/2009	Kinh	Gia Lai	Nam	Địa lí	12.750		11	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
218	TRẦN TRỌNG NHÂN	22.08.19	12/11/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Địa lí	12.500		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
219	HÀ MINH ĐỨC	22.08.06	26/10/2009	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
220	NGUYỄN NGỌC HẢI LÊ	22.08.12	01/07/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	7.500		11	THPT Chuyên Thăng Long
221	PHẠM NGỌC ÁNH NHƯ	22.08.21	27/12/2008	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Địa lí	10.000		11	THPT Chuyên Thăng Long
222	NGUYỄN LÊ MINH HẢI	22.08.08	05/10/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
223	LÊ QUANG TRIỀU	22.08.25	28/04/2008	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Địa lí	11.750		12	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
224	PHẠM ĐỖ PHƯƠNG UYÊN	22.08.26	10/11/2009	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	11.500		11	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo

Danh sách này gồm 224 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nam/Nữ	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	ĐỖ NGỌC TƯỜNG VI	22.09.30	15/04/2009	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3.90	3.40	4.20	1.30	12.800	K.Khích	THPT chuyên Trần Hưng Đạo
2	NGUYỄN TRƯỜNG PHÚC	22.09.19	11/05/2008	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.80	3.30	5.80	1.20	14.100	Ba	THPT Chuyên Thăng Long
3	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	22.09.08	03/01/2008	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3	2.80	5.10	1.20	12.100		THPT Phan Bội Châu - Nam Dong
4	BÙI PHAN MAI THI	22.09.25	14/05/2009	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3.10	2.10	4.80	1.30	11.300		THPT Chuyên Thăng Long
5	NGUYỄN THANH DUNG	22.09.03	18/01/2010	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3.10	2.60	5.30	1.40	12.400		THPT Chuyên Bảo Lộc
6	LÊ NGUYỄN UYÊN NHI	22.09.16	21/12/2008	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3.40	2.80	4.80	0.90	11.900		THPT Chuyên Thăng Long
7	VÕ SỸ ĐỒNG	22.09.04	10/02/2008	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.20	3	4.70	1.30	12.200		THPT Chuyên Bảo Lộc
8	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH NGUYỄN	22.09.12	10/01/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.50	3	3.90	1	11.400		THPT Chuyên Thăng Long
9	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	22.09.20	24/01/2008	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3.20	2.40	4.10	1	10.700		THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
10	VŨ GIA HUY	22.09.09	19/03/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.30	3.40	4.80	1	12.500		THPT Chuyên Thăng Long
11	NGUYỄN BÁ TẤN SANG	22.09.22	25/09/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.80	2.70	4.90	1.20	12.600	K.Khích	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
12	TRẦN THIÊN NHI	22.09.17	23/10/2008	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3.40	2.80	5.10	1.30	12.600	K.Khích	THPT Hùng Vương - Hoài Đức
13	ĐỖ HOÀNG NGỌC HÂN	22.09.06	06/04/2008	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3	2.60	5	1.40	12.000		THPT Chuyên Bảo Lộc
14	PHAN CHÍNH NGUYỄN	22.09.14	02/12/2008	Kinh	Nam	Tiếng Anh	2.40	2.80	4.40	1.20	10.800		THPT Chuyên Trần Hưng Đạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nam/Nữ	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
15	NGUYỄN THẾ	SƠN	22.09.23	28/05/2008	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.30	3.40	4.80	1.30	12.800	K.Khích	THPT Chuyên Thăng Long
16	NGUYỄN KỲ	UY	22.09.29	24/06/2007	Kinh	Nam	Tiếng Anh	2.70	3.10	4.40	1.20	11.400		THPT Đắk Song
17	CAO HUY	HOÀNG	22.09.07	07/01/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.50	2.60	3.10		10.200		THPT Chuyên Thăng Long
18	ĐẶNG KHANG	THỦY	22.09.28	18/06/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.60	2.10	4.20		10.900		THPT Chuyên Bảo Lộc
19	HỒ PHÚC	NGUYỄN	22.09.13	31/03/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.10	3.10	5.50	1.10	12.800	K.Khích	THPT Chuyên Bảo Lộc
20	LÊ NHẬT	QUANG	22.09.21	09/06/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.30	3	5.70	1.10	13.100	K.Khích	THPT Chuyên Thăng Long
21	TỔNG TRƯỜNG	HẢI	22.09.05	14/03/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.50	2.60	4.50		11.600		THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
22	TRẦN MINH KÍNH	THIÊN	22.09.27	04/02/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.60	3	3.90	1.40	11.900		THPT Chuyên Bảo Lộc
23	HUỖNH NGỌC DUY	ANH	22.09.02	18/07/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.80	3.40	3.80		12.000		THPT Chuyên Thăng Long
24	TRỊNH GIA	AN	22.09.01	19/04/2010	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.30	3.40	4.70		12.400		THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
25	NGUYỄN THANH	NHÃ	22.09.15	01/08/2008	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3.80	1.80	4.40	1.20	11.200		THPT Đức Trọng
26	NGUYỄN PHAN BẢO	THẠCH	22.09.24	02/08/2008	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3	4	4.90	1.10	13.000	K.Khích	THPT Chuyên Thăng Long
27	HUỖNH NGỌC	PHÚC	22.09.18	22/02/2008	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3	2.80	3.40	1.40	10.600		THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
28	NGUYỄN QUỐC	THIÊN	22.09.26	19/02/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.10	2.20	5.10	1.30	11.700		THPT Chuyên Bảo Lộc
29	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	22.09.11	30/05/2009	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3.80	2.40	4.60	1.40	12.200		THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 93/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

22-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nam/Nữ	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
30	TRƯƠNG QUỐC HƯNG	22.09.10	26/09/2009	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3	3.60	4.50	0.90	12.000		THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
31	LEYMONERIE ANTHONY HOÀNG	22.11.01	07/07/2008	Kinh	Nam	Tiếng Pháp	6.30	3.25	2.60	1.925	14.075	Nhì	THPT Chuyên Thăng Long
32	PHAN TẤN QUỐC	22.11.08	10/11/2008	Kinh	Nam	Tiếng Pháp	5.90	4	3.70	1.625	15.225	Nhất	THPT Chuyên Thăng Long
33	ROLFE LIAM LIÊM	22.11.06	30/09/2008	Kinh	Nam	Tiếng Pháp	6.05	3	2.80	1.675	13.525	Nhì	THPT Chuyên Thăng Long
34	NGUYỄN MINH NGHI	22.11.07	21/11/2008	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	6.30	2.50	3.30	1.25	13.350	Nhì	THPT Chuyên Thăng Long
35	TRẦN MỸ HOÀNG LAN	22.11.05	12/07/2008	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	5.55	1.75	3.20	1.625	12.125	K.Khích	THPT Chuyên Thăng Long
36	TRẦN VŨ HẠ ĐAN	22.11.02	11/10/2009	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	4.30	2	2.50	1.325	10.125		THPT Chuyên Thăng Long
37	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	22.11.03	18/01/2010	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	3.65	1	1.50	0.625	6.775		THPT Chuyên Thăng Long
38	PHẠM THANH THẢO	22.11.09	03/07/2009	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	4.35	1.50	1.40	1.325	8.575		THPT Chuyên Thăng Long
39	CHU ĐỖ HUY KHANG	22.11.04	01/01/2010	Kinh	Nam	Tiếng Pháp	2.25	1.75	0.50	1.2	5.700		THPT Chuyên Thăng Long
40	PHAN TRẦN QUỲNH VY	22.11.10	16/09/2009	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	2.50	1.25	1.20	1.2	6.150		THPT Chuyên Thăng Long

Danh sách này gồm 40 thí sinh